

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Thế,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 73/BC-SXD ngày 09/02/2022; UBND huyện Yên Thế tại Tờ trình 7/TTr-UBND ngày 29/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000), với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) *Vị trí:* Khu vực lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang; ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Đông Hỷ và huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;
- Phía Nam: Giáp huyện Tân Yên và huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Phía Đông: Giáp huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Tây: Giáp huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

b) *Quy mô đồ án:* Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 306.300 ha, dân số dự kiến đến năm 2030 khoảng 120.000 người, đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 155.000 người (quy mô dân số được tính toán, làm rõ trong đồ án quy hoạch).

2. Tính chất:

Là vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao và chất lượng cao, bảo vệ phát triển rừng, vùng du lịch văn hóa - lịch sử - sinh thái, nghỉ dưỡng; phát triển công nghiệp sạch, dịch vụ thương mại, dịch vụ phát triển công, nông nghiệp, làng nghề. Ngoài ra còn có vai trò quan trọng về quốc phòng, an ninh.

3. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa mục tiêu Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, từ đó đưa ra những dự báo và tầm nhìn chiến lược nhằm phát huy tối đa tiềm năng lợi thế, bảo vệ an ninh quốc phòng, bảo tồn văn hóa - lịch sử, tài nguyên thiên nhiên và những đặc trưng riêng của huyện;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Quy hoạch tổ chức không gian đô thị, phát triển dân cư nông thôn tập trung phù hợp với từng đặc điểm địa hình, kinh tế - xã hội, phong tục tập quán, đời sống người dân; xây dựng mô hình phát triển không gian tổng thể vùng huyện;

- Quy hoạch các khu, phân khu ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, vùng sinh thái nông nghiệp, du lịch. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, hệ thống hạ tầng xã hội; xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, cân bằng và bền vững.

- Làm cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn trong huyện, xây dựng các chương trình kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

4. Một số chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu tính toán theo QCVN 01:2021/BXD:

STT	Hạng mục	Đến năm 2030	Đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050
I	Đất xây dựng đô thị		
1	Đất đơn vị ở đô thị	45 ÷ 55 m ² /người	45 ÷ 55 m ² /người
2	Đất công trình công cộng đô thị	≥ 5m ² /người	≥ 5m ² /người
3	Đất cây xanh đô thị	≥ 5m ² /người	≥ 5m ² /người
II	Các chỉ tiêu HTKT		
1	Tiêu chuẩn cấp điện		
1.1	Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	400w/người cho khu vực đô thị 200w/người cho khu vực nông thôn	750w/người cho khu vực đô thị 500w/người cho khu vực nông thôn
1.2	Tiêu chuẩn cấp điện công trình công cộng	30% chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	30% chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt
2	Tiêu chuẩn cấp nước	120l/người/ng.đ cho khu vực đô thị 80 l/người/ng.đ cho khu vực nông thôn Chỉ tiêu cấp ≥ 90% dân số	150l/người/ng.đ cho khu vực đô thị 100 l/người/ng.đ cho khu vực nông thôn Chỉ tiêu cấp ≥ 90% dân số
3	Thoát nước bản, vệ sinh môi trường		
3.1	Thoát nước	≥ 90% tiêu chuẩn cấp nước	≥ 90% tiêu chuẩn cấp nước
3.2	Rác thải	0,9kg/người/ngày Tỷ lệ thu gom ≥ 90%	1,0 kg/người/ngày Tỷ lệ thu gom ≥ 90%

5. Các yêu cầu về nội dung lập quy hoạch:

a) Yêu cầu về thu thập số liệu, đánh giá hiện trạng:

- Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, dân số và lao động; đất đai; Hiện trạng phát triển cụm, điểm công nghiệp, làng nghề, vùng sản xuất nông lâm nghiệp, công trình công cộng, dịch vụ thương mại, cơ sở y tế, giáo dục... Những tác động của mối liên hệ vùng đến thực trạng phát triển kinh tế - xã hội - hạ tầng kỹ thuật đối với toàn huyện Yên Thế.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng bao gồm: Cao độ nền và thoát nước mưa; công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai; hiện trạng

về mạng lưới giao thông, công trình và các loại hình giao thông...; Nguồn cấp nước, công trình đầu mối, mạng lưới cấp nước, chất lượng, khả năng cung cấp...; Nguồn cung cấp điện, vị trí trạm biến áp, khả năng cung cấp, chất lượng mạng lưới cấp điện..; Hiện trạng mạng lưới thông tin liên lạc; Hệ thống thoát nước thải, khả năng đáp ứng khi đô thị phát triển, thoát nước thải khu vực nông thôn ...; Hiện trạng thu gom chất thải rắn, vị trí bãi chôn lấp, khả năng thu gom; Khu vực nghĩa trang mức độ gần khu dân cư và ô nhiễm môi trường... cho các khu vực đô thị và nông thôn.

- Đánh giá các ưu điểm, các vấn đề tồn tại liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần giải quyết trong quy hoạch vùng. Đánh giá mối liên hệ về hiện trạng với mạng lưới hạ tầng kỹ thuật chính, các công trình đầu mối cấp vùng, cấp đô thị.

- Đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái,...) và môi trường xã hội; Những vấn đề về môi trường và những vùng dễ bị tác động bởi biến đổi khí hậu.

- Rà soát các dự án, chương trình đang triển khai về tính hiệu quả và sự phù hợp với mục tiêu và tầm nhìn đã đặt ra khi triển khai trên địa bàn huyện.

b) Cơ sở kinh tế - kỹ thuật tạo động lực phát triển huyện Yên Thế

- Hoạt động của trung tâm hành chính huyện Yên Thế trong tương lai, dịch vụ thương mại, dịch vụ công – nông nghiệp cho huyện Yên Thế.

- Các khu, điểm du lịch, văn hóa lễ hội; khu vui chơi giải trí, hoạt động văn hóa thể thao...;

- Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại – dịch vụ, khám chữa bệnh...;

- Duy trì và đẩy mạnh công nghiệp, nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao phục vụ nội tỉnh và vùng phụ cận.

c) Định hướng phát triển không gian vùng:

- Xác lập các phân vùng kinh tế chủ đạo và các tiểu vùng, các khu chức năng chuyên ngành theo hướng vừa kết nối với tổng thể phát triển chung của tỉnh Bắc Giang vừa kết nối với các tỉnh lân cận.

- Định hướng phân vùng các khu chức năng phát triển dịch vụ thương mại, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn, vùng phát triển nông - lâm nghiệp, vùng du lịch, vùng bảo tồn di tích và cảnh quan thiên nhiên, khu vực quốc phòng...).

- Định hướng phát triển không gian tổng thể hệ thống hạ tầng xã hội và các cơ sở động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng huyện.

- Định hướng phát triển hệ thống đô thị toàn huyện gồm: xây dựng đồng bộ và hiện đại cơ sở hạ tầng đô thị theo hướng xanh, bền vững, có một số yếu tố thông minh; Cải tạo chỉnh trang, mở rộng các đô thị hiện có, tổ chức không gian, lựa chọn hình thái, cấu trúc, tính chất chức năng, quy mô đô thị; Hình thành các đô thị mới; Phân cấp phân loại đô thị.

- Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn, trung tâm cụm xã, thị tứ có vai trò là các điểm dịch vụ thương mại hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp...

- Định hướng quy hoạch vùng sản xuất nông lâm nghiệp phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

d) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường:

- Giao thông:

+ Xác định khung giao thông toàn huyện, đảm bảo kết nối giữa các khu vực trong nội huyện và kết nối huyện với các đầu mối giao thông của tỉnh và quốc gia.

+ Nghiên cứu đề xuất mới, cập nhật các dự án giao thông (về hướng tuyến, quy mô hành lang bảo vệ) quan trọng của quốc gia và tỉnh liên quan đến huyện Yên Thế và các dự án giao thông sẽ triển khai trên địa bàn huyện. Xác định điểm đầu nối hệ thống giao thông hiện trạng với các tuyến giao thông sẽ xây dựng mới.

+ Xác định mạng lưới giao thông cấp quốc gia, cấp liên vùng, đường huyện, giao thông chính đô thị, giao thông nông thôn về cấp hạng đường; giao thông đường sắt, đường thủy.

+ Xác định các đầu mối giao thông quan trọng của huyện về: Đường bộ, đường sắt, đường thủy (Bến, bãi đỗ xe, nút giao thông đối ngoại, nhà ga đường sắt, bến bãi bốc dỡ hàng hóa trên sông...).

- Chuẩn bị kỹ thuật:

+ Đề xuất các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng (đặc biệt cho các khu vực vùng núi có nguy cơ sạt lở) trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên đáp ứng các điều kiện kỹ thuật đảm bảo an toàn, giữ gìn được bản sắc địa hình mỗi vùng; các giải pháp phòng tránh tai biến thiên nhiên, phát triển hệ thống thủy lợi đầu mối, đê, đập, hồ điều tiết...cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất; các giải pháp xây dựng công trình đầu mối và mạng lưới thoát nước mưa hợp lý.

+ Xác định cao độ xây dựng và giải pháp chính cho các vùng xây dựng tập trung; xác định lưu vực, hướng thoát nước chính.

- Cấp nước:

+ Lựa chọn nguồn cấp nước; đánh giá chất lượng và trữ lượng tài nguyên nước mặt và nước ngầm trên địa bàn huyện, khả năng khai thác cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất.

+ Đề xuất các giải pháp lựa chọn nguồn nước cho các đô thị và các điểm dân cư nông thôn; xác định các công trình đầu mối về quy mô sử dụng đất, công suất, vị trí.

+ Rà soát các dự án về nguồn cấp nước trong toàn huyện, đề xuất giải pháp cấp cấp nước theo diện rộng trên toàn huyện, và cho các phân vùng. - Đề

xuất các tiêu chuẩn cấp nước cho sinh hoạt, công cộng, khách du lịch, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dự phòng rò rỉ...

+ Đề xuất giải pháp cấp nước cho đô thị, các điểm dân cư nông thôn theo từng nguồn nước; Xác định các vùng cấp nước, công trình đầu mối... Vị trí, quy mô sử dụng đất, công suất và công nghệ xử lý nước thô.

- Cấp điện: Định hướng quy hoạch nguồn điện, mạng lưới điện phân phối và dự báo tổng thể điện năng tiêu thụ, điện năng phân theo các ngành kinh tế và khu vực dân cư đô thị và nông thôn.

- Thông tin liên lạc:

+ Quy hoạch hệ thống Thông tin liên lạc và dự báo về tổng dung lượng thuê bao.

+ Cập nhật rà soát các dự án cải tạo xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc đã lập trên địa bàn huyện, mối liên hệ với các khu vực lân cận.

- Thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

+ Xác định chỉ tiêu thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang theo loại đô thị và khu vực nông thôn.

- Dự báo khối lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang. - Các giải pháp lớn về lựa chọn hệ thống thoát nước thải đô thị, các khu chức năng lớn.

+ Tổ chức thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn.

+ Quy mô khu xử lý nước thải, khu liên hợp xử lý chất thải rắn, công nghệ xử lý...

+ Địa điểm quy mô xây dựng các nghĩa trang.

đ) Đánh giá môi trường chiến lược

- Dự báo các tác động và diễn biến môi trường trong đồ án quy hoạch.

- Khuyến nghị các giải pháp tổng thể giải quyết các vấn đề bảo vệ môi trường trong đồ án quy hoạch.

6. Đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư phát triển và nguồn vốn thực hiện

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo động lực phát triển về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường phù hợp với nguồn lực;

- Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: vị trí khu vực công cộng, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hóa các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên.

7. Quy định quản lý

Theo Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

8. Thành phần và nội dung hồ sơ đồ án: Thành phần hồ sơ đồ án tuân thủ theo Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

9. Tổ chức, kế hoạch, kinh phí thực hiện:

a) Tổ chức thực hiện.

- Cơ quan cơ phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Yên Thế;

b) Kế hoạch thực hiện: Thời gian hoàn thành đồ án không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

c) Kinh phí, nguồn vốn thực hiện:

- *Kinh phí:* Tổng chi phí lập quy hoạch khoảng: 2.625.404.000 đồng (*Hai tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm linh tư nghìn đồng*)
- *Nguồn vốn:* Vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. UBND huyện Yên Thế có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài Chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Thế và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích